



**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
và các công ty con**

**Báo cáo Tài chính Hợp nhất
giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017**



Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng Nhận
Đăng ký Kinh doanh số**

0103018458

ngày 23 tháng 7 năm 2007

**Giấy Chứng Nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

0102325399

ngày 19 tháng 4 năm 2011

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102325399 ngày 1 tháng 6 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Giấy Chứng Nhận
Đăng ký Đầu tư số**

2357762445

ngày 30 tháng 12 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do Ban Quản Lý Khu Công Nghệ Cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp và có giá trị trong vòng 50 năm kể từ ngày cấp.

Hội đồng Quản trị

Nguyễn Thanh Hà
Nguyễn Thị Phương Thảo
Nguyễn Thanh Hùng
Chu Việt Cường
Lưu Đức Khánh
Đinh Việt Phương

Lương Thế Phúc

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 21 tháng 4 năm 2017)
Thành viên
(đến ngày 20 tháng 4 năm 2017)

Ban Giám đốc

Nguyễn Thị Phương Thảo
Lưu Đức Khánh
Nguyễn Đức Tâm
Lương Thế Phúc
Đinh Việt Phương
Nguyễn Thị Thúy Bình
Tô Việt Thắng
Nguyễn Đức Thịnh
Trần Hoài Nam
Noraesyah Yvonne Binti Abdullah

Tổng Giám đốc
Giám đốc Điều hành
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính
(đến ngày 30 tháng 6 năm 2017)

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Trần Dương Ngọc Thảo
Đoàn Thu Hương
Phạm Văn Đậu

Phạm Minh Hà

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

(từ ngày 21 tháng 4 năm 2017)

Thành viên

(đến ngày 20 tháng 4 năm 2017)

Trụ sở đăng ký

Đơn nguyên 1, nhà 2C, khu Đoàn ngoại giao Vạn Phúc
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Thị Phương Thảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 55.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn nhân sự chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-01-366-2

Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn				
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		11.016.240.398.108	10.313.466.695.796
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	2.650.490.138.266	2.741.341.465.691
Tiền	111		386.510.138.266	1.086.741.465.691
Các khoản tương đương tiền	112		2.263.980.000.000	1.654.600.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.400.000.000	1.400.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.400.000.000	1.400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.936.108.483.392	7.128.756.627.068
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	1.640.607.079.241	1.758.360.196.227
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11(a)	113.218.053.469	91.313.966.035
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	6.182.283.350.682	5.279.082.464.806
Hàng tồn kho	140	13	180.503.841.594	137.930.296.755
Tài sản ngắn hạn khác	150		247.737.934.856	304.038.306.282
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	188.166.176.081	241.502.028.011
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.441.369.679	5.682.750.824
Thuế phải thu Nhà Nước	153	20(b)	55.130.389.096	56.853.527.447

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn				
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		13.730.780.390.699	9.749.234.828.931
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.334.970.828.102	5.104.774.400.197
Trả trước cho người bán dài hạn	212	11(b)	701.500.000.000	701.500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	7.633.470.828.102	4.403.274.400.197
Tài sản cố định	220		1.292.517.836.818	1.047.218.102.390
Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.287.390.979.684	1.039.794.508.192
Nguyên giá	222		1.385.303.202.598	1.102.569.142.629
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(97.912.222.914)	(62.774.634.437)
Tài sản cố định vô hình	227	15	5.126.857.134	7.423.594.198
Nguyên giá	228		27.580.216.155	27.580.216.155
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.453.359.021)	(20.156.621.957)
Tài sản dở dang dài hạn	240		187.096.422.210	181.302.243.599
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	187.096.422.210	181.302.243.599
Đầu tư tài chính dài hạn	250	17	68.424.629.818	68.424.629.818
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		60.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.868.448.000	7.868.448.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		556.181.818	556.181.818
Tài sản dài hạn khác	260		3.847.770.673.751	3.347.515.452.927
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	3.847.770.673.751	3.347.515.452.927
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		24.747.020.788.807	20.062.701.524.727

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		17.425.670.171.694	15.328.679.347.088
Nợ ngắn hạn	310		11.918.930.576.273	10.570.076.600.330
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	228.773.839.606	391.117.403.830
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		401.827.026.727	306.908.790.544
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20(a)	222.755.317.037	197.975.487.841
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	1.009.476.518.320	492.497.152.683
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	1.537.255.752.947	1.306.836.634.360
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	1.519.133.052.417	528.665.316.650
Vay ngắn hạn	320	24(a)	5.499.599.830.554	6.102.386.845.285
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	25	1.500.109.238.665	1.243.688.969.137
Nợ dài hạn	330		5.506.739.595.421	4.758.602.746.758
Phải trả dài hạn khác	337		16.844.823.736	17.436.536.908
Vay dài hạn	338	24(b)	660.435.837.480	694.840.299.644
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	26	119.748.517.249	82.471.339.722
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	4.709.710.416.956	3.963.854.570.484
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		7.321.350.617.113	4.734.022.177.639
Vốn chủ sở hữu	410	27	7.321.350.617.113	4.734.022.177.639
Vốn cổ phần	411	28	3.223.880.600.000	3.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.535.501.732.805	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		28.217.554.533	29.673.324.403
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.531.866.325.781	1.702.862.911.199
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.884.403.994	1.485.942.037
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		24.747.020.788.807	20.062.701.524.727

Ngày 25 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Hoàng Mạnh Hà
 Quyền Kế Toán Trưởng

Người duyệt:



Lưu Đức Khánh
 Giám đốc Điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	16.423.450.986.205	12.556.826.259.140
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	185.595.188	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	31	16.423.265.391.017	12.556.826.259.140
Giá vốn hàng bán	11	32	13.904.006.243.845	10.837.539.126.654
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 01 - 11)	20		2.519.259.147.172	1.719.287.132.486
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	28.345.492.731	49.011.011.911
Chi phí tài chính	22	34	258.826.661.861	151.697.088.359
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		117.897.169.144	74.155.426.980
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(19.215.126.153)	(4.836.818.361)
Chi phí bán hàng	25	35	268.529.575.013	217.283.426.661
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	102.482.651.453	91.331.462.862
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		1.898.550.625.423	1.303.149.348.154
Thu nhập khác	31		8.912.536.006	10.381.135.594
Chi phí khác	32		20.342.450	42.370.072
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		8.892.193.556	10.338.765.522
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.907.442.818.979	1.313.488.113.676
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	73.599.584.911	47.992.911.654
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	38	37.277.177.527	27.051.906.194
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.796.566.056.541	1.238.443.295.828

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

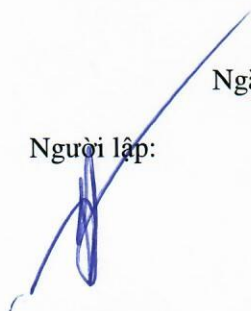
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.796.566.056.541	1.238.443.295.828
Phân bổ:				
Cổ đông của Công ty	61		1.796.167.594.584	1.237.471.701.461
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62		398.461.957	971.594.367
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	5.737	5.312

Ngày 25 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Hoàng Mạnh Hà
 Quyền Kế Toán Trưởng

Người duyệt:



Lưu Đức Khánh
 Giám đốc Điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/ 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	1.907.442.818.979	1.313.488.113.676
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	37.434.325.541	8.993.159.476
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng	03	105.154.148.528	69.352.288.506
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	234.878.050	4.681.639.398
Lãi tiền gửi	05	(28.345.492.731)	(31.374.032.052)
Phần lỗ trong công ty liên kết	05	19.215.126.153	4.836.818.361
Chi phí lãi vay	06	117.897.169.144	74.155.426.980
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.159.032.973.664	1.444.133.414.345
Biến động các khoản phải thu	09	(1.226.897.845.766)	(462.716.857.872)
Biến động hàng tồn kho	10	(42.573.544.839)	16.050.974.910
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	990.817.211.106	346.707.157.764
Biến động chi phí trả trước	12	476.136.957.403	227.143.246.835
		2.356.515.751.568	1.571.317.935.982
Tiền lãi vay đã trả	14	(118.648.499.112)	(82.940.836.332)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(111.790.521.187)	(10.220.855.647)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	2.126.076.731.269	1.478.156.244.003
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(130.872.022.150)	(1.591.973.121.366)
Tiền chi đặt cọc mua máy bay	21	(3.035.493.461.531)	(575.158.574.654)
Tiền thu hồi các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	270.000.000.000
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	-	(60.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	26.619.478.842	75.683.584.886
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(3.139.746.004.839)	(1.881.448.111.134)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	1.846.648.019.016	71.500.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	11.705.563.912.978	9.872.346.179.870
Tiền chi trả nợ gốc vay	33	(12.319.955.283.250)	(7.536.481.882.639)
Tiền chi trả cho hợp đồng hợp tác đầu tư	34	-	(300.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(287.748.150.952)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	944.508.497.792	2.107.364.297.231
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(69.160.775.778)	1.704.072.430.100
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	2.741.341.465.691	923.512.917.695
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(20.234.781.777)	(3.695.811.262)
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	61	(1.455.769.870)	(2.220.322.044)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 9)	70	2.650.490.138.266	2.621.669.214.489

Ngày 25 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Hoàng Mạnh Hà
Quyền Kế Toán Trưởng

Người duyệt:



Lưu Đức Khánh
Giám đốc Điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Ngày 6 tháng 2 năm 2017, theo Quyết định số 29/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty được chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28 tháng 2 năm 2017, với mã giao dịch là VJC.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa trên các tuyến đường bay nội địa và quốc tế và các hoạt động hỗ trợ liên quan và mua bán máy bay.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2017: 5 công ty con và 2 công ty liên kết) như sau:

Tên	Nơi thành lập	Các hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích sở hữu/ quyền biểu quyết	
				30/6/2017	1/1/2017
<i>Các công ty con</i>					
Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo	Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận chuyển hàng hóa.	Số 0312759089 ngày 27 tháng 8 năm 2014	90%	90%
Vietjet Air IVB No. I Limited (*)	British Virgin Islands	Mua bán máy bay.	Số 1825671 ngày 27 tháng 5 năm 2014	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tên	Nơi thành lập	Các hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích sở hữu/ quyền biểu quyết	
				30/6/2017	1/1/2017
Vietjet Air IVB No. II Limited (*)	British Virgin Islands	Mua bán máy bay.	Số 1825613 ngày 27 tháng 5 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air Singapore Pte. Ltd. (*)	Singapore	Mua bán máy bay.	Số 201408849N ngày 27 tháng 3 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air Ireland No. 1 Limited (*)	Ireland	Mua bán máy bay.	Số 544879 ngày 3 tháng 6 năm 2014	100%	100%
<i>Công ty liên kết</i> Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited (*) (**)	Thái Lan	Cung cấp dịch vụ vận chuyên và chuyển giao hàng hóa và hành khách, tổ chức các chuyến đi du lịch và các dịch vụ liên quan khác.	Số 010555610055 1 ngày 25 tháng 6 năm 2013	9%	9%
Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (**)	Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận chuyển hàng không.	Số 4201676638 ngày 5 tháng 2 năm 2016	10%	10%

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty vẫn chưa góp vốn vào các công ty con và công ty liên kết này. Hoạt động của các công ty này chủ yếu được hỗ trợ bởi Công ty.

(**) Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này bởi vì Công ty có quyền bổ nhiệm thành viên trong Hội đồng Quản trị của các công ty này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có 2.658 nhân viên (1/1/2017: 2.494 nhân viên).

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các chính sách kế toán đã được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này phù hợp với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản bình quân của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư vào công cụ nợ mà Ban Giám đốc Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(f) Chi phí bảo dưỡng thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay, Tập đoàn có nghĩa vụ về mặt pháp lý và nghĩa vụ theo hợp đồng đối với hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa máy bay trong suốt thời gian thuê và phải đóng góp các khoản thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay cho bên cho thuê máy bay. Quỹ bảo dưỡng máy bay được ghi nhận là phải thu ngắn hạn và phải thu dài hạn khác khi không có sự không chắc chắn đáng kể về khả năng nhận được các khoản hoàn trả từ bên cho thuê máy bay. Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay được tính toán dựa trên hiệu suất hoạt động, như giờ bay hoặc số lần cất hạ cánh, và phải hoàn trả theo hợp đồng cho Tập đoàn khi Tập đoàn hoàn thành các hoạt động bảo dưỡng bắt buộc cho máy bay thuê bao gồm thay thế các bộ phận có thời gian sử dụng giới hạn, phục hồi hiệu suất động cơ, kiểm tra cấu trúc chính của khung máy bay, đại tu bộ phận hạ cánh và sửa chữa lớn thiết bị cung cấp năng lượng phụ trợ (APU). Phần còn lại của quỹ bảo dưỡng máy bay nếu có sau khi kết thúc thời hạn thuê sẽ thuộc quyền sở hữu của bên cho thuê máy bay.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các khoản giảm giá từ nhà sản xuất, nếu có, được giảm trừ vào nguyên giá của tài sản liên quan. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ máy bay và các bộ phận	20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và chi phí mua máy bay chưa hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn

Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn máy bay thuê được vốn hóa và phân bổ trong khoảng thời gian ngắn hơn giữa thời gian tính đến lần kiểm tra tiếp theo hoặc thời gian tính đến hết thời gian thuê còn lại.

(ii) Phụ tùng quay vòng

Phụ tùng quay vòng với thời gian hữu dụng ước tính dài hơn 1 năm được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính không quá 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 5 năm.

(l) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng chi phí bảo dưỡng thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay giữa Tập đoàn và bên cho thuê và theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam, Tập đoàn có nghĩa vụ phải bảo dưỡng máy bay thường xuyên và định kỳ theo Kế hoạch Bảo dưỡng của từng máy bay (“MPD”), được xây dựng dựa trên hướng dẫn của các nhà sản xuất máy bay. Bảo dưỡng thường xuyên được thực hiện bằng chi phí riêng của Tập đoàn trong khi bảo dưỡng định kỳ được tài trợ bởi quỹ bảo dưỡng máy bay. Dự phòng chi phí bảo dưỡng máy bay thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay được xác định bằng cách chiết khấu các khoản chi phí bảo dưỡng dự kiến phát sinh trong tương lai dựa trên kế hoạch của đội bay hiện tại. Trong thời gian thuê, chi phí bảo dưỡng ước tính cho lần bảo dưỡng tiếp theo được ghi nhận vào dự phòng với khoản tương ứng ghi vào chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ dựa trên thời gian và chu kỳ bay thực tế. Ảnh hưởng của giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Dự phòng chi phí hoàn trả tài sản thuê

Đối với các hợp đồng thuê hoạt động máy bay, trong đó yêu cầu Tập đoàn trả lại máy bay trong tình trạng đáp ứng được một số điều kiện bảo trì nhất định, chi phí hoàn trả tài sản thuê được ước tính tại ngày bắt đầu thuê dựa trên giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự kiến phát sinh trong tương lai vào thời điểm kết thúc hợp đồng thuê để Tập đoàn có thể đáp ứng được các điều kiện nhất định để hoàn trả các máy bay cho bên cho thuê, bao gồm các mức độ bảo trì nhất định cũng như việc thu xếp các chuyến bay thử lần cuối, chi phí kiểm tra, hải quan và rút tên đăng ký, tháo bỏ các bộ phận và thiết bị gắn thêm của Tập đoàn (nếu có) và hoàn trả máy bay đến địa điểm cụ thể. Tại ngày bắt đầu thuê, chi phí hoàn trả ước tính được ghi nhận vào dự phòng với khoản tương ứng ghi vào chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê. Ảnh hưởng của giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu vận chuyển hành khách*

Doanh thu vận chuyển hành khách được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển được cung cấp hoặc khi vé máy bay hết hạn. Giá trị của các vé chưa được sử dụng và các phí dịch vụ liên quan khác được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện được trình bày trong nợ ngắn hạn. Các vé không được hoàn lại thông thường hết hạn vào ngày dự định bay, ngoại trừ trường hợp ngày này được kéo dài ra theo yêu cầu có trả phí từ phía khách hàng vào hoặc trước ngày dự định bay. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu. Doanh thu vận chuyển hành khách được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn.

(ii) *Doanh thu hoạt động phụ trợ*

Doanh thu hoạt động phụ trợ bao gồm bao gồm doanh thu bán hàng hóa trên máy bay và trong cửa hàng miễn thuế, doanh thu quảng cáo, hoa hồng, doanh thu vận chuyển hàng hóa và doanh thu từ các dịch vụ liên quan đến vận chuyển hành khách.

Doanh thu bán hàng hóa trên máy bay và trong cửa hàng miễn thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu từ vận chuyển hàng hóa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu từ quảng cáo và hoa hồng được ghi nhận là doanh thu hoạt động phụ trợ tại thời điểm được hưởng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu từ dịch vụ liên quan đến vận chuyển hành khách như phí thay đổi hoặc gia hạn các vé không được hoàn lại được ghi nhận là doanh thu hoạt động phụ trợ tại thời điểm thu phí. Các khoản phí điều chỉnh liên quan đến các vé không được hoàn lại được ghi nhận như là một giao dịch riêng biệt với vận chuyển hành khách và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi tính cho hành khách. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu cho thuê chuyển bay

Doanh thu cho thuê chuyển bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê máy bay

Doanh thu cho thuê máy bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

(v) Doanh thu bán máy bay

Doanh thu bán máy bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu máy bay được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng máy bay bị trả lại.

Giao dịch bán và thuê lại máy bay

Tập đoàn có các giao dịch bán và thuê lại máy bay là giao dịch mà trong đó khi máy bay được Tập đoàn bán và sau đó được chính Tập đoàn thuê lại. Phương pháp kế toán áp dụng cho các giao dịch bán và thuê lại tài sản được thực hiện căn cứ theo phân loại giao dịch thuê tài sản.

Đối với giao dịch bán và thuê lại tài sản là thuê hoạt động:

- Nếu tiền thuê và giá bán được thỏa thuận ở mức giá trị hợp lý, tức là đã thực hiện một nghiệp vụ bán hàng thông thường thì các khoản lãi hay lỗ được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh.
- Nếu giá bán thấp hơn giá trị hợp lý thì các khoản lãi hoặc lỗ cũng phải được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh, trừ trường hợp khoản lỗ được bù đắp bằng tiền thuê trong tương lai ở một mức giá thuê thấp hơn giá thuê thị trường. Trường hợp này khoản lỗ không được ghi nhận ngay mà phải phân bổ dần vào chi phí phù hợp với khoản thanh toán tiền thuê trong suốt thời gian mà tài sản đó được dự kiến sử dụng.
- Nếu giá bán cao hơn giá trị hợp lý thì khoản chênh lệch cao hơn giá trị hợp lý phải được phân bổ dần vào thu nhập phù hợp với khoản thanh toán tiền thuê trong suốt thời gian mà tài sản đó được dự kiến sử dụng.
- Nếu giá trị hợp lý tại thời điểm bán và thuê hoạt động lại tài sản thấp hơn giá trị còn lại của tài sản, khoản lỗ bằng số chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị hợp lý phải được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(vi) Doanh thu từ dịch vụ khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(vii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(viii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tập đoàn chủ yếu tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ vận chuyển hàng không và do đó, phụ thuộc vào nhu cầu thời vụ của hoạt động vận chuyển hàng không. Với giả định không thay đổi về số lượng tuyến bay và số lượng máy bay hoạt động, doanh thu cho nửa đầu năm thường có xu hướng cao hơn nửa cuối năm. Tính thời vụ này phù hợp với kỳ vọng của Ban Giám đốc Công ty.

5. Ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác so với các ước tính này.

6. Các khoản mục bất thường

Không có các khoản mục bất thường trọng yếu nào phát sinh trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Không có sự thay đổi nào trong cấu trúc của Tập đoàn trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Cho mục đích quản lý, Tập đoàn có 2 bộ phận hoạt động kinh doanh như sau:

- Cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa, các dịch vụ phụ trợ, cho thuê máy bay và quảng cáo trên máy bay (gọi chung là “dịch vụ hàng không”); và
- Mua bán máy bay.

Trừ các hoạt động nêu trên, Tập đoàn không có bộ phận hoạt động kinh doanh nào khác được tổng hợp để hình thành bộ phận hoạt động kinh doanh khác phải báo cáo. Thông tin bộ phận cho tổng doanh thu và giá vốn hàng bán được trình bày trong Thuyết minh 31 và Thuyết minh 32 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Không có doanh thu nội bộ giữa các bộ phận hoạt động kinh doanh. Tất cả tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác của Tập đoàn là không được phân bổ.

Ban Giám đốc xác định bộ phận hoạt động kinh doanh dựa trên các báo cáo đã được soát xét và sử dụng để ra quyết định chiến lược.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Doanh thu của Tập đoàn được trình bày theo khu vực địa lý (theo quốc gia ở điểm đến) như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Tại Việt Nam	7.427.250.920.758	5.895.645.910.500
Ngoài Việt Nam	8.996.014.470.259	6.661.180.348.640
	16.423.265.391.017	12.556.826.259.140

Tài sản bộ phận và chi tiêu vốn không được trình bày do vị trí tài sản và hoạt động chủ yếu là ở Việt Nam.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	14.284.783.956	2.543.172.753
Tiền gửi ngân hàng	372.225.354.310	1.084.198.292.938
Các khoản tương đương tiền	2.263.980.000.000	1.654.600.000.000
	2.650.490.138.266	2.741.341.465.691

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 5,3% đến 5,5% trong kỳ (kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: từ 4,8% đến 5,5%) và các khoản tiền gửi ngân hàng bằng USD có kỳ hạn dưới 3 tháng và không hưởng lãi.

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm 55.000 triệu VND (1/1/2017: 175.000 triệu VND) được dùng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại HDBank – Hội sở (Thuyết minh 24(a)).

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Hangzhou BaoLi Co., Ltd	1.466.625.889.000	1.556.774.827.960
Aviation Solutions (Thailand) Co., Ltd	73.026.127.936	72.860.587.484
World Go International Co., Ltd	29.805.460.873	38.556.753.163
Khách hàng khác	71.149.601.432	90.168.027.620
	1.640.607.079.241	1.758.360.196.227

(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Du lịch Bắc Mỹ An	30.724.000	51.342.000
Công ty Cổ phần Khách Sạn và Du Lịch Thiên Thai	-	16.500.000

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Trả trước cho người bán

(a) Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Trả trước cho dịch vụ sửa chữa động cơ	70.978.508.183	27.143.242.096
Trả trước cho dịch vụ bay cho Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited, một công ty liên kết	-	14.757.791.669
Trả trước cho việc xây dựng văn phòng	9.907.844.800	-
Trả trước khác	32.331.700.486	49.412.932.270
	113.218.053.469	91.313.966.035

Các khoản trả trước cho các bên liên quan không được bảo đảm và không hưởng lãi.

(b) Trả trước cho người bán dài hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Hợp đồng hợp tác đầu tư	701.500.000.000	701.500.000.000

Trả trước cho người bán dài hạn phản ánh khoản đóng góp của Tập đoàn để xây dựng một khu phức hợp văn phòng và khu dân cư tại số 18E Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 01/2016/VJA-TĐĐB ngày 2 tháng 6 năm 2016 hợp tác với Công ty Cổ phần Thương mại Thùy Dương – Đức Bình. Tập đoàn sẽ được nhận 15.547 m² diện tích văn phòng và 13.409 m² diện tích khu dân cư và sử dụng các khu vực này làm văn phòng và ký túc xá của Tập đoàn sau khi dự án hoàn thành dự kiến trong vòng 3 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan		
Chi phí trả hộ Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited, một công ty liên kết	662.149.703.643	447.296.489.780
Bên thứ ba		
Đặt cọc mua máy bay	3.979.975.237.156	3.462.539.158.419
Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay	1.184.647.593.355	901.462.143.692
Khoản chiết khấu mua hàng phải thu	168.056.894.596	299.790.648.188
Tạm ứng cho nhân viên	49.711.279.525	40.451.553.468
Phải thu từ quỹ bảo dưỡng máy bay	45.477.792.745	14.573.306.867
Phải thu sửa chữa khoang máy bay	12.034.059.052	12.079.587.527
Lãi tiền gửi phải thu	3.432.083.333	1.706.069.444
Phải thu khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu	-	32.409.850.138
Các khoản đặt cọc khác	66.590.206.759	30.296.462.087
Phải thu khác	10.208.500.518	36.477.195.196
	6.182.283.350.682	5.279.082.464.806

Phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không được bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Đặt cọc mua máy bay	4.187.649.673.979	1.669.592.291.185
Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay	2.695.174.552.395	2.099.900.362.116
Đặt cọc thuê máy bay	706.057.513.577	614.849.191.414
Phải thu khác	44.589.088.151	18.932.555.482
	7.633.470.828.102	4.403.274.400.197

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ và dụng cụ	172.477.149.360	-	133.562.282.327	-
Hàng hóa	8.026.692.234	-	4.368.014.428	-
	180.503.841.594	-	137.930.296.755	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 180.504 triệu VND (1/1/2017: 137.930 triệu VND) được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Vietinbank – Chi nhánh Quận 11 (Thuyết minh 24(a)).

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Máy bay và các bộ phận VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.014.972.823.421	57.248.469.944	15.409.457.798	14.938.391.466	1.102.569.142.629
Tăng trong kỳ	278.585.022.680	200.000.000	1.307.978.654	2.300.363.635	282.393.364.969
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	340.695.000	-	-	-	340.695.000
Số dư cuối kỳ	1.293.898.541.101	57.448.469.944	16.717.436.452	17.238.755.101	1.385.303.202.598
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	30.816.828.145	13.011.087.353	11.313.367.599	7.633.351.340	62.774.634.437
Khấu hao trong kỳ	29.267.972.894	3.816.278.563	627.864.178	1.425.472.842	35.137.588.477
Số dư cuối kỳ	60.084.801.039	16.827.365.916	11.941.231.777	9.058.824.182	97.912.222.914
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	984.155.995.276	44.237.382.591	4.096.090.199	7.305.040.126	1.039.794.508.192
Số dư cuối kỳ	1.233.813.740.062	40.621.104.028	4.776.204.675	8.179.930.919	1.287.390.979.684

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 12.936 triệu VND đã khấu hao hết (1/1/2017: 11.455 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có các tài sản với giá trị còn lại là 848.941 triệu VND (1/1/2017: 888.585 triệu VND) được dùng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Thuyết minh 24(b)).



Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	27.580.216.155
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	20.156.621.957
Phân bổ trong kỳ	2.296.737.064
Số dư cuối kỳ	22.453.359.021
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	7.423.594.198
Số dư cuối kỳ	5.126.857.134

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 9.898 triệu VND đã được phân bổ hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 6.613 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	181.302.243.599	137.353.932.965
Tăng trong kỳ	91.878.679.861	1.048.471.691.738
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(340.695.000)	(901.292.821.421)
Xóa sổ	(85.743.806.250)	(97.189.692.319)
Số dư cuối kỳ	187.096.422.210	187.343.110.963

Trong kỳ, chi phí lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 23.524 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 9.161 triệu VND).

Xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến việc mua máy bay.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2017		1/1/2017	
	% quyền sở hữu/quyền biểu quyết	VND	% quyền sở hữu/quyền biểu quyết	VND
Đầu tư góp vốn vào:				
• Công ty liên kết				
- Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited	9%	-	9%	-
- Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh	10%	60.000.000.000	10%	60.000.000.000
		<u>60.000.000.000</u>		<u>60.000.000.000</u>
• Đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	4%	7.868.448.000	4%	7.868.448.000
		<u>7.868.448.000</u>		<u>7.868.448.000</u>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
• Hợp đồng hợp tác đầu tư		556.181.818		556.181.818
		<u>556.181.818</u>		<u>556.181.818</u>
		<u>68.424.629.818</u>		<u>68.424.629.818</u>

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí thuê máy bay trả trước	169.887.280.303	227.656.900.271
Chi phí bảo dưỡng máy bay trả trước	17.460.447.002	13.212.911.483
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	818.448.776	632.216.257
	188.166.176.081	241.502.028.011

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí bảo dưỡng máy bay VND	Chi phí hoàn trả tài sản thuế VND	Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn VND	Phụ tùng xoay vòng, công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.797.822.490.216	172.072.300.904	166.521.757.016	210.909.450.415	189.454.376	3.347.515.452.927
Tăng trong kỳ	910.946.718.433	54.104.494.661	35.269.497.807	58.657.511.356	771.934.621	1.059.750.156.878
Phân bổ trong kỳ	(389.049.953.084)	9.984.233.693	(53.045.780.971)	(84.805.209.817)	(583.339.078)	(517.500.049.257)
Xóa sổ trong kỳ	(41.994.886.797)	-	-	-	-	(41.994.886.797)
Số dư cuối kỳ	3.277.724.368.768	236.161.029.258	148.745.473.852	184.761.751.954	378.049.919	3.847.770.673.751

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2017 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2017 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	41.901.084.209	243.481.418.499
Freebird Airlines	23.567.296.777	-
The Civil Aviation Administration of China's Settlement Center	22.107.763.696	9.586.272.790
Công ty TNHH Một Thành Viên Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	-	21.849.959.094
Các nhà cung cấp khác	141.197.694.924	116.199.753.447
	228.773.839.606	391.117.403.830

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã cân trừ trong kỳ VND	Phân loại lại VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	64.969.047.604	775.298.377.258	(249.438.924.957)	(469.851.420.741)	-	120.977.079.164
Thuế thu nhập cá nhân	16.980.945.810	110.737.243.438	(103.774.509.526)	-	-	23.943.679.722
Thuế nhà thầu	-	33.915.878.739	(32.192.740.388)	-	(1.723.138.351)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	116.025.494.427	73.599.584.911	(111.790.521.187)	-	-	77.834.558.151
	197.975.487.841	993.551.084.346	(497.196.696.058)	(469.851.420.741)	(1.723.138.351)	222.755.317.037

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã thu trong kỳ VND	Số đã cân trừ trong kỳ VND	Phân loại lại VND	30/6/2017 VND
Thuế nhà thầu	56.853.527.447	-	-	-	(1.723.138.351)	55.130.389.096

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí liên quan đến máy bay	803.799.540.272	409.026.251.553
Chi phí luật và tư vấn liên quan đến việc phát hành cổ phiếu	87.265.686.211	-
Lương tháng 13	23.545.065.073	34.312.991.844
Chi phí lãi vay	4.112.554.431	4.863.884.399
Chi phí bảo trì	6.899.404.689	6.587.341.493
Chi phí khác	83.854.267.644	37.706.683.394
	1.009.476.518.320	492.497.152.683

22. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Doanh thu vận chuyển hành khách và hoạt động phụ trợ nhận trước, sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	1.537.255.752.947	1.306.836.634.360

23. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan		
Phải trả cho các bên liên quan khác (*)	6.613.983.222	7.676.125.320
Cổ tức phải trả	280.672.942.000	-
Bên thứ ba		
Cổ tức phải trả	398.743.087.050	-
Lệ phí sân bay phải trả	600.400.394.649	399.300.619.575
Đặt cọc ngắn hạn đã nhận	217.366.799.010	107.423.263.649
Phải trả khác	15.335.846.486	14.265.308.106
	1.519.133.052.417	528.665.316.650

Phải trả phi thương mại cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		30/6/2017	
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	Tăng VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	6.036.432.585.285	11.705.563.912.978	(20.084.774.459)	5.434.267.780.554
Vay dài hạn đến hạn trả	65.954.260.000	31.689.130.000	-	65.332.050.000
	6.102.386.845.285	11.737.253.042.978	(20.084.774.459)	5.499.599.830.554

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”) – Hội sở (i)			
Khoản vay 1	VND	-	106.812.385.443
Khoản vay 2	USD	864.069.243.989	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) – Chi nhánh Quận 11 (ii)			
Khoản vay 3	VND	2.620.296.944.659	1.647.157.457.453
Khoản vay 4	USD	735.563.708.738	334.867.496.106
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (iii)			
Khoản vay 5	VND	154.247.117.208	340.862.342.163
Khoản vay 6	USD	23.993.744.967	682.060.978.753
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (iii)			
Khoản vay 7	VND	-	118.684.487.400
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (iii)			
Khoản vay 8	VND	-	770.578.961.161
Khoản vay 9	USD	906.447.476.011	79.764.999.999
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (iii)			
Khoản vay 10	USD	-	128.315.091.936
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iii)			
Khoản vay 11	VND	-	894.341.373.335
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (iii)			
Khoản vay 12	USD	-	433.497.690.959
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam (iii)			
Khoản vay 13	VND	129.649.544.982	166.665.685.684
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (iii)			
Khoản vay 14	USD	-	332.823.634.893
		5.434.267.780.554	6.036.432.585.285

Các khoản vay trên chịu lãi suất năm từ 4,8% đến 5,5% cho các khoản vay bằng VND và từ 1,4% đến 2,5% cho các khoản vay bằng USD cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay 1 và 2 từ HDBank – Hội sở, một bên liên quan, được bảo đảm bởi các tài sản sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 9)	55.000.000.000	175.000.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay 2 được bảo đảm như sau:

- Khoản phải thu hình thành trong tương lai từ hợp đồng mua bán máy bay A320 và A321 của các máy bay giao trong tháng 9 năm 2017 giữa Tập đoàn và Sky Aviation Leasing International Limited và Jackson Square Aviation LLC, các công ty cho thuê máy bay; và
- Khoản phải thu phát sinh từ hoạt động bán vé máy bay.

- (ii) Chi tiết các tài sản bảo đảm cho khoản vay 3 và 4 như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Hàng tồn kho (Thuyết minh 13)	180.503.841.594	137.930.296.755

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản vay 3 và 4 được đảm bảo bằng các khoản phải thu hình thành trong tương lai từ hợp đồng mua bán máy bay A320 và A321 của các máy bay giao trong tháng 9 năm 2017 giữa Tập đoàn và Sky Aviation Leasing International Limited, một công ty cho thuê máy bay.

- (iii) Các khoản vay 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	USD	LIBOR 6 tháng + 2,7%	2017 – 2028	725.767.887.480	760.794.559.644
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(65.332.050.000)	(65.954.260.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				660.435.837.480	694.840.299.644

Số dư nợ gốc vay này được hoàn trả trong 24 kỳ, mỗi kỳ sáu tháng trả 1.4 triệu USD và kỳ cuối cùng trả 1.5 triệu USD vào ngày 13 tháng 6 năm 2028.

Theo Hợp đồng Nguyên tắc số 24012017/HDNT/MB-VJ ngày 24 tháng 1 năm 2017 giữa Tập đoàn và bên cho vay, Tập đoàn đã tham gia vào các giao dịch hoán đổi tiền tệ và lãi suất với bên cho vay theo tỷ lệ của khoản vay nhằm quản trị ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ giá và lãi suất của khoản vay này. Dựa trên Hợp đồng này, Tập đoàn sẽ nhận USD từ bên cho vay để thanh toán khoản nợ gốc và tiền lãi liên quan; và trả VND tương đương cho bên cho vay sử dụng tỷ giá VND/USD cố định là 22.575 và lãi suất cố định năm là 7,5% cho giai đoạn từ ngày 24 tháng 1 năm 2017 đến ngày 13 tháng 12 năm 2019. Các khoản thanh toán được thực hiện vào cuối mỗi kỳ sáu tháng và ngày thanh toán đầu tiên là ngày 13 tháng 6 năm 2017.

Chi tiết các tài sản bảo đảm cho khoản vay này như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Máy bay số hiệu A320 MSN7167, VNA675 (Thuyết minh 14)	848.941.035.605	888.585.171.422

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Dự phòng chi phí bảo dưỡng VND	Dự phòng hoàn trả tài sản thuê VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	4.915.553.224.444	291.990.315.177	5.207.543.539.621
Dự phòng lập trong kỳ	910.946.718.433	54.104.494.661	965.051.213.094
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu	101.524.247.232	3.629.901.296	105.154.148.528
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(72.496.946.260)	-	(72.496.946.260)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.567.700.638	-	4.567.700.638
Số dư cuối kỳ	5.860.094.944.487	349.724.711.134	6.209.819.655.621
Ngắn hạn	1.500.109.238.665	-	1.500.109.238.665
Dài hạn	4.359.985.705.822	349.724.711.134	4.709.710.416.956
	5.860.094.944.487	349.724.711.134	6.209.819.655.621

26. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	2.368.124.035
Dự phòng phải trả	620.981.965.562	520.754.353.962
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.918.086.576	3.431.299.184
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	626.900.052.138	526.553.777.181
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Chi phí trả trước dài hạn	(351.388.539.803)	(296.989.479.112)
Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay	(387.982.214.576)	(300.136.250.581)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(7.277.815.008)	(11.899.387.210)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(746.648.569.387)	(609.025.116.903)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(119.748.517.249)	(82.471.339.722)

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	1.450.000.000.000	-	10.578.470.043	685.722.725.515	1.139.084.792	2.147.440.280.350
Cổ tức bằng cổ phiếu	478.500.000.000	-	-	(478.500.000.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu phổ thông	71.500.000.000	-	-	-	-	71.500.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.237.471.701.461	971.594.367	1.238.443.295.828
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ các hoạt động ở nước ngoài	-	-	(2.220.322.044)	-	-	(2.220.322.044)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	2.000.000.000.000	-	8.358.147.999	1.444.694.426.976	2.110.679.159	3.455.163.254.134
Cổ tức bằng cổ phiếu	500.000.000.000	-	-	(500.000.000.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu phổ thông	500.000.000.000	-	-	-	-	500.000.000.000
Cổ tức	-	-	-	(500.000.000.000)	-	(500.000.000.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.258.168.484.223	(624.737.122)	1.257.543.747.101
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ các hoạt động ở nước ngoài	-	-	21.315.176.404	-	-	21.315.176.404
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	3.000.000.000.000	-	29.673.324.403	1.702.862.911.199	1.485.942.037	4.734.022.177.639
Phát hành cổ phiếu phổ thông	223.880.600.000	1.535.501.732.805	-	-	-	1.759.382.332.805
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	(967.164.180.002)	-	(967.164.180.002)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.796.167.594.584	398.461.957	1.796.566.056.541
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ các hoạt động ở nước ngoài	-	-	(1.455.769.870)	-	-	(1.455.769.870)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	3.223.880.600.000	1.535.501.732.805	28.217.554.533	2.531.866.325.781	1.884.403.994	7.321.350.617.113

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt/ đã phát hành (*)				
Cổ phiếu phổ thông	322.388.060	3.223.880.600.000	300.000.000	3.000.000.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	322.388.060	3.223.880.600.000	300.000.000	3.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

- (*) Ngày 20 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào đã phê duyệt tăng vốn cổ phần từ 3.223 tỷ VND lên 4.513 tỷ VND bằng cách phát hành cổ phiếu theo tỷ lệ 40 cổ phiếu mới cho mỗi 100 cổ phiếu hiện hữu. Tại ngày báo cáo, việc phát hành cổ phiếu này chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước Việt Nam phê duyệt.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2017		30/6/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	300.000.000	3.000.000.000.000	145.000.000	1.450.000.000.000
Phát hành cổ phiếu bằng tiền (**)	22.388.060	223.880.600.000	7.150.000	71.500.000.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	47.850.000	478.500.000.000
Số dư cuối kỳ	322.388.060	3.223.880.600.000	200.000.000	2.000.000.000.000

- (**) Ngày 5 tháng 1 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phát hành 22.388.060 cổ phiếu phổ thông cho Công ty TNHH Đầu tư Hướng Dương Sunny, một bên liên quan, theo giá là 84.600 VND mỗi cổ phiếu. Theo đó, Công ty đã phát hành số cổ phiếu mới cho cổ đông này vào ngày 17 tháng 3 năm 2017.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Cổ tức

Ngày 24 tháng 4 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt phân phối cổ tức là 322.388 triệu VND (1.000 VND mỗi cổ phiếu) từ lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho các cổ đông hiện hữu.

Ngày 24 tháng 4 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt tạm ứng cổ tức bằng tiền là 644.776 triệu VND (2.000 VND mỗi cổ phiếu) từ lợi nhuận chưa phân phối hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 cho các cổ đông hiện hữu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 478.500 triệu VND).

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng 1 năm	4.005.852.536.976	3.329.553.590.024
Trong vòng 2 đến 5 năm	15.136.756.756.697	11.786.025.592.691
Sau 5 năm	16.879.765.459.808	12.974.577.948.968
	36.022.374.753.481	28.090.157.131.683

(b) Ngoại tệ

	30/6/2017 Tương đương VND	1/1/2017 Tương đương VND
Nguyên tệ		Nguyên tệ
USD	44.031.277 999.509.988.354	95.442.767 2.168.459.663.514

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng (*)	462.500.000.000	462.500.000.000
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng (**)	3.825.000.000.000	3.825.000.000.000
	4.287.500.000.000	4.287.500.000.000

- (*) Ngoài các cam kết trên, Tập đoàn ký một thỏa thuận khung và các phụ lục liên quan với Airbus S.A.S để mua 119 máy bay và với Boeing Company để mua 100 máy bay. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn đã nhận được 25 chiếc máy bay, các máy bay còn lại dự kiến sẽ tiếp tục được chuyển giao cho Tập đoàn từ năm 2017 đến năm 2023.

Theo các hợp đồng mua bán máy bay, các cam kết của Tập đoàn đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 liên quan đến các khoản thanh toán trước khi giao các máy bay còn lại (bao gồm động cơ) là 1.200 triệu USD (đối với các máy bay Airbus) và 1.052 triệu USD (đối với các máy bay Boeing).

Ngoài ra, Tập đoàn ký một thỏa thuận khung và các phụ lục liên quan với CFM International S.A để mua 3 động cơ máy bay thay thế và với United Technologies Corporation (Pratt & Whitney Division) để mua 9 động cơ máy bay thay thế.

Ngày 31 tháng 5 năm 2017, Tập đoàn ký một thỏa thuận bảo trì 12 năm với CFM International S.A để bảo trì các động cơ cho các máy bay Boeing 737 MAX được giao từ năm 2019 đến năm 2023. Thỏa thuận này có giá trị 3,5 tỷ USD theo báo giá và bao gồm 215 động cơ.

Tập đoàn đặt mua 20 động cơ cho 10 máy bay mới từ CFM International S.A. Thỏa thuận này cũng bao gồm một thỏa thuận bảo trì dài hạn có giá trị là 580 triệu USD theo báo giá.

Ngoài ra, Tập đoàn ký một bản ghi nhớ cung cấp tài chính cho các máy bay với GE Capital Aviation Services với giá trị là 1 tỷ USD vào ngày 31 tháng 5 năm 2017. GE Capital Aviation Services sẽ hỗ trợ tài chính cho Tập đoàn, mua và tham gia vào thỏa thuận bán và cho thuê lại 10 máy bay.

Ngày 31 tháng 5 năm 2017, Tập đoàn ký một thỏa thuận với Honeywell Aviation Services cho 98 bộ phát năng lượng tự động cho các máy bay A320. Thỏa thuận này kéo dài đến năm 2022 và bao gồm dịch vụ bảo trì cho 12 năm. Thỏa thuận này có giá trị là 180 triệu USD.

Ngày 5 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn ký một thỏa thuận chiến lược với Mitsubishi UFJ Lease and Finance Co., Ltd để cung cấp tài chính mua ba tàu bay với giá trị là 348 triệu USD.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(**) Khoản cam kết này liên quan đến việc phát triển Trung tâm Công nghệ Hàng Không VietJet tại Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2357762445 ngày 30 tháng 12 năm 2016 do Ban Quản Lý Khu Công Nghệ Cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Tổng doanh thu		
Vận chuyển hành khách		
▪ Nội địa	5.761.307.859.463	4.552.047.459.779
▪ Quốc tế	1.007.055.719.731	369.616.715.491
▪ Cho thuê chuyến bay và cho thuê ướm máy bay	1.447.599.559.231	699.140.253.155
	8.215.963.138.425	5.620.804.428.425
Doanh thu hoạt động phụ trợ	2.522.859.930.009	1.671.875.319.480
Doanh thu từ cho thuê khô máy bay	28.690.200.000	28.053.900.000
Doanh thu khác	35.212.717.771	81.514.324.715
Doanh thu từ bán máy bay	5.620.725.000.000	5.154.578.286.520
	16.423.450.986.205	12.556.826.259.140
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(185.595.188)	-
	16.423.265.391.017	12.556.826.259.140
Doanh thu thuần		
	16.423.265.391.017	12.556.826.259.140
Trong đó:		
Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ hàng không	10.802.540.391.017	7.402.247.972.620
Tổng doanh thu từ bán máy bay	5.620.725.000.000	5.154.578.286.520
	16.423.265.391.017	12.556.826.259.140

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí khối dịch vụ và khai thác mặt đất	748.170.046.279	533.984.997.765
Chi phí khối khai thác bay	7.343.963.097.913	4.930.094.930.651
Chi phí khối kỹ thuật	375.425.459.518	386.664.732.028
Chi phí khối an toàn, an ninh và đảm bảo chất lượng bay	14.365.392.498	8.849.944.114
Chi phí dịch vụ vận chuyển hàng hóa	47.341.444.721	33.724.964.867
Chi phí khấu hao và phân bổ	549.583.617.362	364.145.148.408
Chi phí khác	27.134.792.382	6.644.824.603
Giá vốn của máy bay đã bán	4.798.022.393.172	4.573.429.584.218
	13.904.006.243.845	10.837.539.126.654
Trong đó:		
Tổng giá vốn cung cấp dịch vụ hàng không	9.105.983.850.673	6.264.109.542.436
Tổng giá vốn của máy bay đã bán	4.798.022.393.172	4.573.429.584.218
	13.904.006.243.845	10.837.539.126.654

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	28.345.492.731	31.374.032.052
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	15.924.837.316
Thu nhập tài chính khác	-	1.712.142.543
	28.345.492.731	49.011.011.911

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của các khoản dự phòng phải trả	105.154.148.528	69.352.288.506
Chi phí lãi vay	117.897.169.144	74.155.426.980
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	35.540.466.139	3.507.733.475
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	234.878.050	4.681.639.398
	258.826.661.861	151.697.088.359

35. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí bán hàng	124.743.180.193	85.378.538.926
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	106.389.545.167	92.694.460.281
Chi phí nhân viên	28.597.499.690	25.620.453.788
Chi phí khấu hao và phân bổ	230.833.817	199.053.613
Chi phí khác	8.568.516.146	13.390.920.053
	268.529.575.013	217.283.426.661

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	46.164.453.947	36.393.231.760
Chi phí thuê văn phòng	11.033.782.923	8.229.698.239
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.119.923.619	1.531.802.272
Chi phí bảo hiểm	32.237.720	19.308.100
Chi phí khác	40.132.253.244	45.157.422.491
	102.482.651.453	91.331.462.862

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu trong giá vốn hàng bán	4.002.136.236.438	2.374.992.323.608
Chi phí mua máy bay	4.798.022.393.172	4.573.429.584.218
Chi phí nhân viên và nhân công	1.009.300.211.836	851.412.290.570
Chi phí khấu hao và phân bổ	37.434.325.541	8.993.159.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.785.639.450.593	2.541.679.982.755
Chi phí khác	642.485.852.731	795.646.675.550

38. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	73.599.584.911	47.992.911.654
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	37.277.177.527	27.051.906.194
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	110.876.762.438	75.044.817.848

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu số thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.907.442.818.979	1.313.488.113.676
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	381.488.563.796	262.697.622.735
Ảnh hưởng của thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(164.507.741.752)	(116.216.865.572)
Chi phí không được khấu trừ thuế	185.088.666	404.401.801
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	3.660.596.141	2.866.381.276
Ưu đãi thuế	(109.949.744.413)	(74.706.722.392)
	110.876.762.438	75.044.817.848

c) Thuế suất áp dụng

(i) Các công ty thành lập tại Việt Nam

Công ty cổ phần hàng không Vietjet

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa công cộng, theo các quy định và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông cho những năm tiếp theo. Tuy nhiên, các điều khoản trong quy định thuế hiện hành cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm bắt đầu từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập cho 3 năm tiếp theo.

Đối với các hoạt động khác, theo các quy định và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất phổ thông trên lợi nhuận tính thuế.

Mức thuế suất phổ thông áp dụng cho Công ty chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo

Theo các điều khoản trong các quy định và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các công ty thành lập tại British Virgin Islands

Vietjet Air IVB No. I Limited và Vietjet Air IVB No. II Limited

Thu nhập hoặc lợi nhuận tại British Virgin Islands không chịu thuế. Do đó, không có dự phòng cho thuế thu nhập tại British Virgin Islands trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(iii) Công ty thành lập tại Singapore

Vietjet Air Singapore Pte. Ltd.

Vietjet Air Singapore Pte. Ltd. có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập bằng 17% trên lợi nhuận tính thuế.

(iv) Công ty thành lập tại Ireland

Vietjet Air Ireland No. 1 Limited

Vietjet Air Ireland No. 1 Limited có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập bằng 12.5% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được tính dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 313.111.240 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 232.967.857 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	1.796.167.594.584	1.237.471.701.461

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Số cổ phiếu	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
		Điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	300.000.000	145.000.000
Ảnh hưởng của cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2016	-	87.850.000
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu trong kỳ	13.111.240	117.857
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	313.111.240	232.967.857

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Các cổ đông có ảnh hưởng đáng kể		
Tiền gửi có kỳ hạn	4.855.654.876.000	625.000.000.000
Khoản vay từ một cổ đông	1.368.682.010.520	659.585.641.330
Cổ tức công bố	44.100.000.000	-
Thu nhập lãi tiền gửi	22.267.901.668	11.933.451.351
Dịch vụ đã cung cấp	1.127.606.840	346.968.400
Chi phí lãi vay	879.678.214	5.927.659.178
Chi phí dịch vụ tư vấn	-	2.109.000.000
Công ty liên kết		
Chi phí dịch vụ	114.936.666.667	36.572.595.099
Chi phí chi hộ	75.319.110.173	86.446.495.778
Dịch vụ đã cung cấp	28.690.200.000	28.053.900.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Cổ tức công bố	100.587.696.000	-
Thù lao và lương	7.510.398.587	6.755.715.384
Các bên liên quan khác		
Cổ tức công bố	276.321.717.000	-
Trả trước cho việc xây dựng văn phòng	6.488.193.146	-
Thu nhập lãi tiền gửi	-	9.076.438.356
Dịch vụ đã cung cấp	-	15.468.900

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

41. Các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Mua tài sản cố định bằng cách cắt trừ với các khoản phải thu ngắn hạn khác	243.400.022.680	85.530.843.556
Chi phí phát hành cổ phiếu chưa chi trả	87.265.686.211	-
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	478.500.000.000

Ngày 25 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Hoàng Mạnh Hà
Quyền kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Đức Khánh
Giám đốc điều hành

